**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK1**

**MÔN: KHTN6**

**NĂM HỌC 2021 - 2022**

Câu 1: Khoa học tự nhiên nghiên cứu lĩnh vực nào sau đây ?

A. Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.

B. Các quy luật tự nhiên.

C. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây của con người là hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Thả diều

B. Tập thể dục buổi sáng

C. Làm thí nghiệm

D. Rửa bát, đĩa

Câu 3: Sự nảy mầm của hạt đậu thuộc lĩnh vực khoa học nào?

A. Vật lí học

B. Sinh học

C. Hóa học

D. Thiên văn học

Câu 4: Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

A. Con gà

B. Cái bàn học

C. Cây cam

D. Vi khuẩn

Câu 5: Chọn đáp án sai?

A. Chỉ làm các thí nghiệm, các bài thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên

B. Rửa tay thường xuyên trong nước sạch và xà phòng khi tiếp xúc với hoá chất và sau khi kết thúc buổi thực hành.

C. Ăn, uống trong phòng thí nghiệm. Tự ý xử lí sự cố mất an toàn như hoá chất bắn vào mắt, bỏng hoá chất, bỏng nhiệt, làm vỡ dụng cụ thuỷ tinh, gây đổ hoá chất, cháy nổ, chập điện, ...

D. Sử dụng các dụng cụ bảo hộ (kính bảo vệ mắt, găng tay lấy hoá chất, khẩu trang thí nghiệm...) khi làm thí nghiệm.

Câu 6: Công việc nào dưới đây không phù hợp với việc sử dụng kính lúp?

A. Người già đọc sách.

B. Sửa chữa đồng hồ.

C. Khâu vá.

D. Quan sát một vật ở rất xa.

Câu 7: Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau:

A. Nhiệt độ của nước đá

B. Nhiệt độ cơ thể người

C. Nhiệt độ khí quyển

D. Nhiệt độ của một lò luyện kim

Câu 8: Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để:

A. Lựa chọn thước đo phù hợp.

B. Đặt mắt đúng cách.

C. Đọc kết quả đo chính xác.

D. Đặt vật đo đúng cách.

Câu 9: Cân một túi hoa quả, kết quả là 14533 g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

A.1 g.

B. 5 g.

C. 10 g.

D. 100 g.

Câu 10: 200C=……………….0F

A. 60 0F

B. 58 0F

C. 68 0F

D. 28,9 0F

Câu 11: 2,5km=……………m

A. 250m

B. 25000m

C. 2500m

D. 0,0025m

Câu 12: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là:

A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

C. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

D. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

Câu 13: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể vô sinh và vật thể hữu sinh là:

A. Vật thể vô sinh không xuất phát từ cơ thể sống, vật thể hữu sinh xuất phát từ cơ thể sống.

B. Vật thể vô sinh không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm ứng, còn vật thể hữu sinh có các đặc điểm trên.

C. Vật thể vô sinh là vật thể đã chết, vật thể hữu sinh là vật thể còn sống.

D. Vật thể vô sinh là vật thể không có khả năng sinh sản, vật thể hữu sinh luôn luôn sinh sản.

Câu 14: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

A. Hoà tan đường vào nước.

B. Cô cạn nước đường thành đường.

C. Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen.

D. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.

Câu 15: Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?

A. Đường mía, muối ăn, con dao.

B. Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm.

C. Nhôm, muối ăn, đường mía.

D. Con dao, đôi đũa, muối ăn.

Câu 16: Oxygen có tính chất nào sau đây?

A. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, không duy trì sự cháy.

B. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

C. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

D. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

Câu 17: Hoạt động nông nghiệp nào sau đây không làm ô nhiễm môi trường không khí?

A. Đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.

B. Tưới nước cho cây trồng.

C. Bón phân tươi cho cây trổng.

D. Phun thuốc trừ sâu để phòng sâu bọ phá hoại cây trổng.

Câu 18: Loại nguyên liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh?

A.Gỗ.

B. Bông.

C. Dầu thô.

D. Nông sản.

Câu 19: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A. Gạo.

B. Rau xanh.

C.Thịt.

D. Gạo và rau xanh.

Câu 20: Tính chất của vât liệu làm bằng kim loại?

A. Không dẫn điện, dẫn nhiệt, dễ bị ăn mòn.

B. Dẫn điện, dẫn nhiệt, dễ bị ăn mòn, bị gỉ.

C. Đàn hồi, không tan trong nước, ít bị ăn mòn.

D. Không tan trong nước, đàn hồi, không dẫn nhiệt.

Câu 21: Vật liệu nào sau đây không thể tái chế?

A. Thuỷ tinh.

B. Thép xây dựng.

C. Nhựa composite.

D. Xi măng.

Câu 22: Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào sau đây?

A. Tuỳ nhiệt độ cần thiết để điểu chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

Câu 23: Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là:

A. vật liệu.

B. nguyên liệu.

C. nhiên liệu.

D. phế liệu

Câu 24: Vật liệu nào dưới đây được sử dụng ngoài mục đích xây dựng còn hướng tới bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững?

A. Gỗ tự nhiên.

B. Kim loại.

C. Gạch không nung.

D. Gạch chịu lửa.

Câu hỏi 25: Phương pháp nào sau đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước muối:

A. Lọc

B. Chiết

C. Cô cạn

D. Dùng máy li tâm

**Câu 26:** Hai chất lỏng không hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là:

A. dung dịch.

B. huyền phù.

C. nhủ tương.

D. chất tinh khiết

**Câu 27:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được:

A. nhủ tương.

B. huyền phù.

C. dung dịch.

D. dung môi.

Câu 28: Vào mùa hè, nhiều hôm thời tiết rất oi bức khiến chúng ta cảm thấy ngột ngạt, khó thở. Thế nhưng sau khi có một trận mưa rào ập xuống, người ta lại cảm thấy dễ chịu hơn nhiều. Lí do là:

A. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường.

B. Mưa đã làm chết các loài sinh vật gây bệnh.

C. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và loại bớt khói bụi ra khói không khí.

D. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và làm chết các loài sinh vật gây bệnh.

Câu 29: Chức năng của màng tế bào là:

A. chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

B. bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.

C. chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

D. tham gia vào quá trình quang hợp của tế bào.

Câu 30: Thành phần nào có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?

 A. Nhân.

 B. Tế bào chất.

 C. Màng tế bào.

 D. Lục lạp.

Câu 31: Thành phần chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào là:

A. nhân.

B. tế bào chất.

C. màng tế bào.

D. lục lạp.

Câu 32: Cấp độ nào sau đây được xem là đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của sự sống?

A. Mô

B. Tế bào

C. Cơ quan

D. Hệ cơ quan.

Câu 33: Sinh vật nào dưới đây là đơn bào?

A. Người.

B. Cây chuối.

C. Cây hoa hướng dương.

D. Tảo lục.

Câu 34: Nhóm sinh vật đa bào gồm:

A. trùng roi, cây ổi, con ngựa vằn.

B. cây bắp cải, con rắn, con ngựa vằn.

C. cây bắp cải, vi khuẩn, con rắn.

D. cây bắp cải, trùng giày, con cua đỏ.

Câu 35: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.

B. Cây cầu.

C. Cây bạch đàn.

D. Ngôi nhà.

Câu 36: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào?



A. Màng tế bào.

B. Chất tế bào.

C. Nhân tế bào.

D. Vùng nhân.

Câu 37: Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

A. có thành tế bào.

B. có chất tế bào.

C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

D. có lục lạp.

Câu 38: Khi một tế bào lớn lên và trải qua 3 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào tế bào con?

A. 8.

B. 6.

C. 4.

D. 2.

Câu 39: Em bé sinh ra nặng 3kg khi trưởng thành có thể nặng 50kg, theo em sự thay đổi này do đâu?

A. Do sự sinh trưởng

B. Do sự sinh sản

C. Do sự lớn lên và phân chia của tế bào

D. Cả 3 đều đúng

Câu 40: Thành phần nào có trong tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật?

A. Màng tế bào

B. Lục lạp

C. Nhân tế bào

D. Chất tế bào

Câu 41: Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là:

A. tế bào.

B. mô.

C. cơ quan.

D. hệ cơ quan.

Câu 42: Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm:

A. hệ rễ và hệ thân.

B. hệ thân và hệ lá.

C. hệ chồi và hệ rễ.

D. hệ cơ và hệ thân.

Câu 43: Hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?

(3)

(6)

A. (2), (3).

B. (3), (4).

C. (3),(5).

D. (3), (6).

Câu 44: Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

A. Loài —> Chi (giống) —> Họ —> Bộ —> Lớp —> Ngành —> Giới.

B. Chi (giống) —> Loài —> Họ —> Bộ —> Lớp —> Ngành —> Giới.

C. Giới —> Ngành —> Lớp —> Bộ —> Họ —> Chi (giống) —> Loài.

D. Loài —> Chi (giống) —> Bộ —> Họ —> Lớp —> Ngành —> Giới.

Câu 45: Virus sống kí sinh nội bào bắt buộc vì chúng:

A. có kích thước hiển vi.

B. có cấu tạo tế bào nhân sơ.

C. chưa có cấu tạo tế bào.

D. có hình dạng không cố định.

Câu 46: Quan sát hình dưới đây và xác định cấu tạo của virus bằng cách lựa chọn:

A. (1) Vỏ ngoài, (2) vỏ protein, (3) Phần lõi.

B. (1) Vỏ protein, (2) vỏ ngoài, (3) Phần lõi.

C. (1) Phần lõi, (2) Vỏ protein, (3) vỏ ngoài.

D. (1) Vỏ ngoài, (2) Phần lõi, (3) vỏ protein.

Câu 47: Vi khuẩn là:

A. nhóm sinh vật có cấu tạo nhân sơ, kích thước hiển vi.

B. nhóm sinh vật có cấu tạo nhân thực, kích thước hiển vi.

C. nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước hiển vi.

D. nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước siêu hiển vi.

Câu 48: Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh cho người nhiễm vi khuẩn:

1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi thật sự bị bệnh nhiễm khuẩn.
2. Cần lựa chọn đúng loại kháng sinh và có sự hiểu biết về thể trạng người bệnh.
3. Dùng kháng sinh đúng liều, đúng cách.
4. Dùng kháng sinh đủ thời gian.
5. Dùng kháng sinh cho mọi trường hợp nhiễm vi khuẩn.

Lựa chọn đáp án đầy đủ nhất:

A. (1), (2), (3), (4), (5).

B. (1), (2), (5).

C. (2), (3), (4), (5).

D. (1), (2), (3), (4).

**Câu 49:** **Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?**

**(1) Đặc điểm tế bào.**

**(2) Mức độ tổ chức cơ thể.**

**(3) Môi trường sống.**

**(4) Kiểu dinh dưỡng.**

**Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn.**

**A. (1), (2), (3), (5).**

**B. (2), (3), (4), (5).**

**C. (1), (2), (3), (4).**

**D. (1), (3), (4), (5).**

**Câu 50:** Khi đo nhiều lần thời gian chuyển động của một viên bi trên mặt phẳng nghiêng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

A. Giá trị của lần đo cuối cùng.

B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.

C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.

D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.